



Âm nhạc

Nghe nhạc, chơi nhạc và đi xem hòa nhạc.

Âm nhạc và nhạc sĩ

музыка	âm nhạc	оркестр	dàn nhạc
песня	bài hát	хор	dàn hợp xướng
певец / певица	ca sĩ (nam / nữ)	концерт	buổi hòa nhạc
группа	ban nhạc	альбом	album
композитор	nhà soạn nhạc	голос	giọng hát
музыкант	nhạc sĩ	мелодия	giai điệu

Nhạc cụ

инструмент	nhạc cụ	барабаны	trống
гитара	đàn ghi ta	флейта	sáo
пианино	đàn dương cầm đứng	труба	kèn trumpet
рояль	đàn grand piano	балалайка	đàn balalaika
скрипка	đàn vi-ô-lông	гармонь	đàn accordion
виолончель	đàn xen-lô	синтезатор	keyboard, synth

Các thể loại nhạc

классическая	nhạc cổ điển	народная музыка	nhạc dân gian
рок	rock	рэп	rap
поп-музыка	nhạc pop	электронная	nhạc điện tử
джаз	jazz	саундтрек	nhạc phim

Nói về âm nhạc

Какая музыка вам нравится?

Bạn thích nhạc gì?

Я играю на гитаре.

Tôi chơi ghi ta.

Это моя любимая песня.

Đây là bài hát tôi thích nhất.

Пойдём на концерт.

Đi xem hòa nhạc nhé.

Он хорошо поёт.

Anh ấy hát hay.

Chơi nhạc cụ

играть на + prepositional: на гитаре, на пианино, на скрипке. So sánh играть в футбол cho một trò chơi. Và lưu ý пианино là đàn đứng còn рояль là đàn grand – tiếng Nga giữ hai từ riêng.